

BẢN TIN CẬP NHẬT VĂN BẢN

Tháng 03/2024



| | |
|--|---|
| Từ ngày 01/07/2024, Tổng mức góp vốn của Công ty tài chính vào các doanh nghiệp không vượt quá 40% | 2 |
| Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại TP. Hồ Chí Minh được miễn thuế 05 năm | 2 |
| Danh mục một số mặt hàng nhập khẩu từ Campuchia được hưởng thuế suất 0% giai đoạn 2023-2024 | 3 |
| Chính sách thuế TNCN đối với khoản tiền mua bảo hiểm nhân thọ | 3 |
| Miễn nộp bằng kê hóa đơn đầu vào khi đề nghị hoàn thuế nếu sử dụng hóa đơn điện tử | 3 |
| Quy định về hóa đơn khi áp dụng Chiết khấu thương mại nhưng đã hết thời hạn giảm thuế GTGT | 4 |
| Dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp chế xuất nếu tiêu dung trong nội địa phải tính thuế GTGT 10% | 4 |
| Hàng sản xuất xuất khẩu tại chỗ không được miễn thuế xuất khẩu | 4 |
| Điều kiện sử dụng hóa đơn trong thời gian bị cưỡng chế | 4 |
| Cách xác định trị giá hải quan tính thuế khi phát sinh chi phí giao hàng | 5 |
| Cách xác định trị giá hải quan đối với máy móc cho thuê, cho mượn | 5 |
| Sửa đổi bộ tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan | 6 |
| Không được bảo lưu thời gian đóng Bảo hiểm thất nghiệp trên 144 tháng | 6 |

Ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật số 32/2024/QH15 về Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, theo đó:

Theo Điều 137 Luật các tổ chức tín dụng 2024 quy định giới hạn góp vốn, mua cổ phần như sau:

- Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng **không được vượt quá 11%** vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.
- Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng 2024 **không được vượt quá 40%** vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.
- Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó vào một doanh nghiệp, quỹ đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 118 và khoản 2 Điều 123 Luật các tổ chức tín.

dụng 2024 **không được vượt quá 11%** vốn điều lệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư nhận vốn góp.

- Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính vào doanh nghiệp, quỹ đầu tư, kể cả công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 118, khoản 2 và khoản 3 Điều 123 Luật các tổ chức tín dụng 2024 **không được vượt quá 40%** vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của công ty tài chính.
- Tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
 - + Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó;
 - + Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó.
- Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại các khoản trên không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào một doanh nghiệp từ quỹ do công ty đó quản lý.

Ngày 02/02/2024 Chính Phủ ban hành Nghị quyết số 11/2024/NĐ-CP về điều kiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó:

- Miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong thời hạn **05 năm** từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Miễn thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) và thuế TNDN của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn TP.HCM, trừ thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.
- Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

[Download](#)
[Download](#)

Ngày 24/01/2024 Chính Phủ ban hành Nghị định số 05/2024/NĐ-CP về biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam – Campuchia giai đoạn 2023 - 2024 theo đó:

- Công bố danh mục các mặt hàng nhập khẩu từ Campuchia được áp dụng thuế suất 0% trong giai đoạn 2023 - 2024.

- Để hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Biểu thuế, hàng hóa nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau: có tên trong Biểu thuế, có giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu S và được thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục III đính kèm.

- Biểu thuế được áp dụng hồi tố cho hàng hóa nhập khẩu từ 2/6/2023, theo đó, hàng hóa nhập khẩu từ 2/6/2023 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực (24/1/2024) nếu đáp ứng đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế suất cao hơn sẽ được bù trừ/hoàn trả tiền thuế nộp thừa.

[Download](#)

Ngày 23/02/2024 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 8974/CTHN-TTHT về chính sách

thuế TNDN, TNCN đối với bảo hiểm nhân thọ theo đó:

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Trường hợp Công ty mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động thì khoản chỉ được tính vào chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN nếu mức chỉ không vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người và đáp ứng các điều kiện theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 25/2018/TT-BTC nêu trên.

- Về thuế thu nhập cá nhân:

+ Khoản tiền mua bảo hiểm nhân thọ không phải là bảo hiểm mang tính bắt buộc tham gia nên không thuộc các khoản đóng bảo hiểm được giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNCN theo quy định tại tiết a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

+ Trường hợp Công ty mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ có tích lũy về phí bảo hiểm thì căn cứ tính thuế và đối tượng thực hiện khấu trừ thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên.

+ Khoản thu nhập từ lãi hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được miễn thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết g Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT

BTC, Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

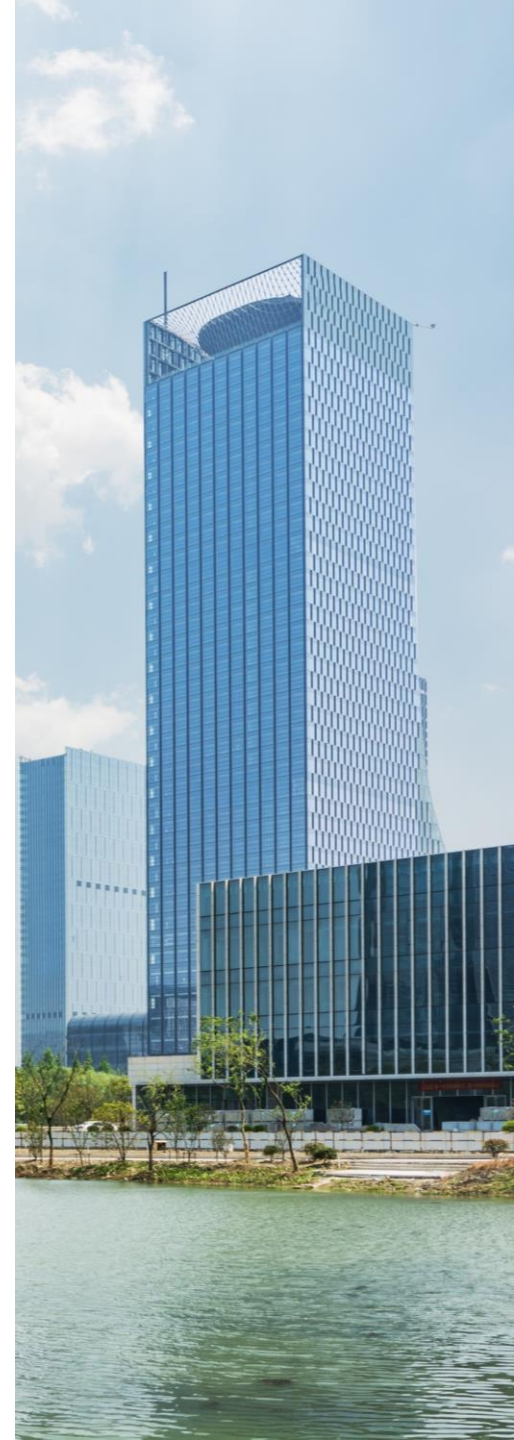
+ Trường hợp Công ty mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ không có tích lũy về phí bảo hiểm thì khoản tiền mua bảo hiểm này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

[Download](#)

Ngày 28/02/2023, Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 9580/CTHN-TTHT về việc kê khai hóa đơn đầu vào trên bảng kê 01-1/HT, theo đó:

Trường hợp Công ty đề nghị hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì hồ sơ, tài liệu đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng được quy định tại Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Trường hợp hóa đơn mua hàng là hóa đơn điện tử mà người bán đã gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không mã của cơ quan thuế mà người bán đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế) theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì Công ty không cần cung cấp bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-1/HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC nêu trên.

[Download](#)



Ngày 05/02/2024 Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 2492/CTBDU-TTHT về chính sách giảm thuế theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP đối với trường hợp áp dụng chiết khấu thương mại, theo đó:

Trường hợp Công ty kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng và đối với các khoản chiết khấu thương mại của hàng hóa từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 thuế GTGT với thuế suất 10% và từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023 được giảm thuế GTGT với thuế suất 8% đã bán trong năm 2023 nhưng từ 01/02/2024 mới xuất hóa đơn thể hiện nội dung chiết khấu thương mại thì:

+ Trường hợp số tiền chiết khấu được lập vào lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp theo sau ngày 30/6/2023 thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh ở nội dung giá tính thuế, thuế suất thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm lập hóa đơn.

+ Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu sau ngày 31/12/2023 thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh và áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% tại thời điểm bán hàng.

[Download](#)

Ngày 28/02/2024 Cục thuế TP. Hà Nội ban hành Công văn số 9575/CTHN-TTHT về thuế GTGT cho dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp chế xuất, theo đó:

- Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kinh doanh cho doanh nghiệp chế xuất nếu dịch vụ này chỉ được thực hiện và tiêu dùng trong khu phi thuế quan thì được hưởng thuế suất GTGT 0%.

- Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kinh doanh cho doanh nghiệp chế xuất nếu dịch vụ này được thực hiện và tiêu dùng trong nội địa thì phải áp dụng thuế suất GTGT 10%.

[Download](#)

Ngày 19/02/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 651/TCHQ-TXNK về hàng xuất khẩu loại hình SXKK, theo đó:

- Sản phẩm xuất khẩu tại chỗ không được miễn thuế xuất khẩu. Bên xuất khẩu phải đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ và kê khai nộp thuế xuất khẩu theo mức thuế suất và trị giá của sản phẩm xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại thời điểm đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ.

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc trong nước để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì khi xuất khẩu sản phẩm cũng không được miễn thuế xuất khẩu, doanh nghiệp phải

kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với sản phẩm xuất khẩu theo quy định.

[Download](#)

Ngày 26/02/2024 Tổng cục thuế ban hành Công văn số 672/TCT-QLN về cấp hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh, theo đó:

- Trường hợp doanh nghiệp đang bị cưỡng chế "hóa đơn" nếu cần sử dụng hóa đơn để có nguồn thanh toán tiền lương, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì được đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng từng lần.

- Doanh nghiệp thực hiện gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT (ban hành tại Phụ lục IA Nghị định 123/2020/NĐ-CP) đến cơ quan thuế và truy cập vào hệ thống lập hóa đơn điện tử của cơ quan thuế để lập hóa đơn. Sau khi doanh nghiệp nộp đủ thuế theo quy định (ít nhất 18% doanh thu), ngay trong ngày làm việc cơ quan thuế sẽ cấp mã cho hóa đơn điện tử của doanh nghiệp.

[Download](#)

Ngày 21/02/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 683/TCHQ-TXNK về xác định trị giá hải quan hàng nhập khẩu, xuất khẩu, theo đó:

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, trị giá hải quan được xác định trên cơ sở giá FOB tại cửa khẩu xuất khẩu; đối với hàng hóa nhập khẩu, trị giá hải quan được xác định trên cơ sở giá CIF tại cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên.

- Trường hợp hàng hóa được giao đến người nhận theo các điều kiện giao hàng mà trong tiền hàng đã bao gồm các chi phí từ cửa khẩu nhập khẩu đến địa điểm giao hàng (ví dụ: DDU, DDP, DAP) và người khai hải quan không có chứng từ, tài liệu khách quan, định lượng được để tách các chi phí đó khỏi tiền hàng thì phải giữ nguyên số tiền đó trong tiền hàng để xác định trị giá hải quan. Khi đó, việc người khai hải quan xác định và kê khai trị giá hải quan theo tiền hàng đã bao gồm các chi phí từ cửa khẩu nhập khẩu đến địa điểm giao hàng không được coi là khai sai trị giá hải quan.

- Trường hợp hàng hóa được giao theo điều kiện EXWork

người khai hải quan phải xác định và kê khai trị giá hải quan bao gồm giá tại địa điểm giao hàng (được gọi là giá ExW) và các chi phí tính đến cửa khẩu xuất khẩu(hàng xuất khẩu) hoặc các chi phí tính đến cửa khẩu xuất khẩu (hàng xuất khẩu) hoặc các chi phí tính đến cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên (hàng nhập khẩu). Nếu người khai hải quan không tính đầy đủ các chi phí vào trị giá hải quan thì được coi là khai sai trị giá hải quan. Việc xác định và kê khai trị giá hải quan không phụ thuộc vào hàng hóa có hay không thuộc đối tượng chịu thuế.

[Download](#)

Ngày 07/02/2024 Tổng cục Hải Quan ban hành Công văn số 637/TCHQ-TXNK về kê khai trị giá hải quan theo đó:

- Trường hợp máy móc, thiết bị đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất (DNCX) (đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan) thì phải thực hiện thủ tục hải quan. Loại hình xuất nhập khẩu thực hiện theo thực tế giao dịch của doanh nghiệp.

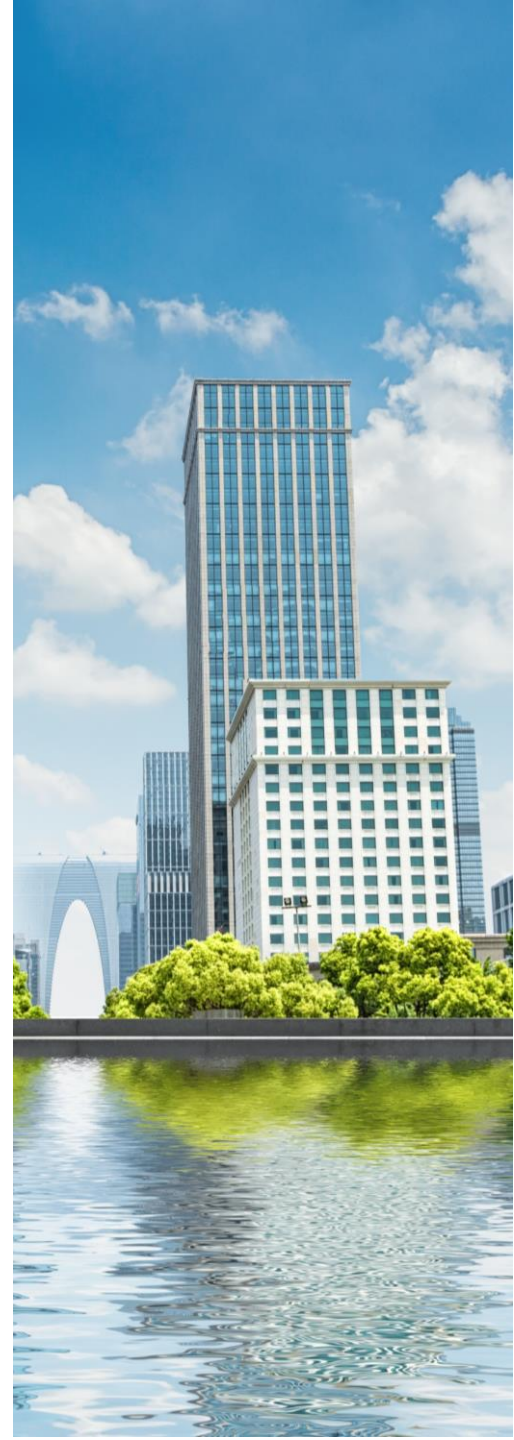
- Trường hợp doanh nghiệp nội địa cho DNCX thuê, mượn máy

móc, thiết bị thì thực hiện theo thủ tục tạm xuất - tái nhập (với doanh nghiệp nội địa) và thủ tục tạm nhập - tái xuất (với DNCX) (Điều 17 Nghị định 69/2018/NĐ-CP)

- Việc xác định trị giá hải quan của hàng hóa tạm xuất - tái nhập và tạm nhập - tái xuất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 (hàng xuất khẩu), khoản 3 (hàng nhập khẩu) Điều 86 Luật Hải quan. Theo đó, khi doanh nghiệp nội địa mở tờ khai tạm xuất và DNCX mở tờ khai tạm nhập, khai trị giá hải quan là giá trị của hàng hóa tại thời điểm cho thuê/đi thuê và chi phí mà bên cho thuê phải thanh toán để đưa hàng hóa đến DNCX (chi phí vận chuyển và bảo hiểm cho hàng hóa - nếu có).

- Khi doanh nghiệp nội địa làm thủ tục tái nhập và DNCX làm thủ tục tái xuất, khai trị giá hải quan là giá trị còn lại của hàng hóa tại thời điểm giao trả hàng hóa từ DNCX về nội địa. Giá trị còn lại của hàng hóa được xác định trên cơ sở ghi chép, theo dõi tại hồ sơ kế toán của chủ hàng hóa.

[Download](#)



Ngày 29/01/2024 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2019/TT-BTC theo đó:

- Điều chỉnh hạng 7, 8, 9 Điều 14. Phân loại mức độ rủi ro của người khai hải quan như sau:

+ Hạng 7: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và chưa từng bị xử lý về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan và lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt (thay vì “không vi phạm” như hiện hành).

+ Hạng 8: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày đánh giá và đã từng bị xử lý về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan hải và lĩnh vực khác do cơ quan hải quan xử phạt, trừ các hành vi quy định đối với Hạng 9 (thay vì “bị xử lý vi phạm trừ các hành vi quy định đối với Hạng 9 tại Điều này” như hiện hành).

+ Hạng 9: Người khai hải quan không có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong 365 ngày trở về trước tính từ ngày

đánh giá và đã từng bị xử lý vi phạm thuộc một trong các hành vi quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 06/2024/TT-BTC (thay vì “người khai hải quan có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa” như hiện hành).

- Điều chỉnh Mức 2, 3, 4 Điều 10. Phân loại mức độ tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan như sau:

+ Mức 2: Doanh nghiệp tuân thủ mức rất cao. (thay vì “tuân thủ cao” như hiện hành)

+ Mức 3: Doanh nghiệp tuân thủ mức cao. (thay vì “tuân thủ trung bình” như hiện hành)

+ Mức 4: Doanh nghiệp tuân thủ mức trung bình. (thay vì “tuân thủ thấp” như hiện hành)

- Bổ sung Điều 15. Tiêu chí phân loại mức độ rủi ro người khai hải quan

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2024. Nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2025.

[Download](#)

Ngày 29/12/2023 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 15/2023/TTTT-BLĐTBXH về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2015/NĐ-CP, theo đó

Trong đó, khoản 4 Điều 1 Thông tư 15 năm 2023 đã quy định 02 trường hợp không được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa được hưởng trợ cấp gồm:

- Thời gian chưa giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp khi người lao động đóng trên 144 tháng sẽ không được bảo lưu mà chỉ được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trên 36 tháng đến đủ 144 tháng mà có thời gian chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được bảo lưu.

- Số tháng lẻ chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp khi thuộc một trong ba trường hợp:

+ Người lao động không đến nhận trợ cấp thất nghiệp

+ Người lao động bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp

+ Người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

[Download](#)

Thông tin liên hệ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 12 - Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân,
P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (024) 6278.2904
Fax: (024) 6278.2905
Email: anviet@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (024) 3795.8705
Fax: (024) 3795.8677
Email: anviet.hn@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 384.2430
Fax: (0225) 384.2433
Email: anviet.hp@anvietcpa.com



Ông Vũ Bình Minh

Tổng Giám đốc
Tel: 0904.347.726
Email: minh.vu@anvietcpa.com



Ông Dương Đình Ngọc

Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0983 536 303
Email: ngoc.duong@anvietcpa.com



Bà Vũ Thị Hương Giang

Phó Tổng Giám đốc
Tel: 0909 866 888
Email: giang.vu@anvietcpa.com